

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HS - ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở TAND thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2020/HSST ngày 13 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST-HS ngày 28/7/2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **TRẦN TRỌNG T**, sinh năm 1984.
- Tên gọi khác: Không.
- Nơi cư trú: số nhà A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không,
- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 09/12.
- Bố đẻ: Trần Trọng T sinh năm 1948.
- Mẹ đẻ: Lê Thị M, sinh năm 1956.
- Vợ: Nguyễn Thu T, sinh năm 1986 (đã ly hôn)
- Bị cáo có một con, sinh năm 2006.
- Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.
- Tiền án:

+ Tại Bản án số 27/2016/HSST ngày 12/5/2016, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 125/2017/HSST ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” (ra trại ngày 07/3/2019).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 56/HSST ngày 24/02/2003, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Giang (nay là thành phố B) xử phạt 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 10/HSST ngày 02/4/2004, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 135/2006/HSST ngày 06/9/2006, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Tại quyết định số 1589/QĐ- UBND ngày 24/06/2013, Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang quyết định biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 12 tháng.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

* Bị hại:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, Địa chỉ: số nhà A, phường H, thành phố B.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đào Thị Thu H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 20, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số nhà A, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TRẦN TRỌNG T, sinh năm 1984, trú tại số nhà 35, ngõ 10, đường N, phường N, thành phố B là đối tượng nghiện ma Ty đang điều trị cai nghiện bằng thuốc methadone. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, sau khi uống thuốc methadone tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang ở phường D, thành phố B, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu vàng- bạc đen, biển kiểm soát 98B1- 593.36 để về nhà. Trên đường về, T dừng xe tại cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, trú tại số nhà 618, đường L, phường H thành phố B để mua bánh mỳ. Khi vào trong tầng 1 cửa hàng, T nhìn thấy có chiếc tủ kính không khóa, bên trong tủ có 01 Ti nilông màu xanh đựng nhiều thẻ nạp điện

thoại di động. Quan sát xung quanh không có ai trông coi cửa hàng nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi đến chỗ tủ kính dùng tay phải mở cánh cửa tủ, tay trái lấy Ti nilông màu xanh bên trong đựng thẻ nạp điện thoại cất vào cặp quần phía trước rồi đi xe máy về nhà. T lên phòng ngủ tầng 2 bỏ Ti nilông màu xanh ra thấy có nhiều thẻ điện thoại của nhà mạng Viettel và Vinaphone, đếm được tổng cộng 13 thẻ mệnh giá 100.000 đồng; 30 thẻ mệnh giá 50.000 đồng; 61 thẻ mệnh giá 20.000 đồng. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày 20/4/2020, T mang số thẻ trên đến nhờ chị Đào Thị Thu H sinh năm 1974 trú tại số 10 đường Q thành phố B là người quen biết từ trước với T bán hộ. Khi nhờ chị H, T không nói cho chị H biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Cùng ngày 20/4/2020, chị H đã bán số thẻ trên cho một người không quen biết được số tiền 3.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T quay lại cửa hàng thì được chị H đưa cho 2.800.000 đồng. Số tiền trên T đem về nhà cất giữ trong ví cá nhân.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, bà H đã trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã khám nghiệm hiện trường, thu giữ hình ảnh từ camera giám sát an ninh của gia đình ông Nguyễn Văn H sinh năm 1964 trú tại số nhà 620 đường L, phường H, thành phố B.

Ngày 20/4/2020, TRẦN TRỌNG T đến Công an thành phố B đầu thú, giao nộp những đồ vật tài sản sau:

- 01 điện thoại di động Nokia 3.2 màu đen, có số imei 352909100135660, lắp 01 sim thuê bao 0901566476.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 98B1- 59336 màu sơn nâu, trên biển số dán 01 đoạn băng dính màu đen che một chữ số 3.

- 01 mũ bảo hiểm màu đen có dán logo màu vàng, đỏ, xanh của đội bóng Barcelona.

- 01 đôi dép nhựa màu đen trắng, trên quai dép có chữ Gucci màu trắng và nhiều hình ngôi sao màu trắng.

Cùng ngày 20/4/2020, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp tại nơi ở của T, thu giữ tại tủ gỗ phòng ngủ tầng 2 của T 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 2.800.000 đồng. Ngày 20/4/2020, bà Lê Thị M là mẹ đẻ của TRẦN TRỌNG T giao nộp cho Cơ quan điều tra những đồ vật tài sản sau:

- 01 áo cộc tay màu đen, có cổ, ngực viền ngang màu trắng;

- 01 quần đùi ngắn màu ghi trắng nhãn hiệu Puma, hai bên ống đùi có viền ngang gần gấu.

- 01 chiếc khăn trang vải có viền kẻ caro màu trắng, xanh, vàng đen;

- 01 đôi dép bằng nhựa, quai dép kẻ vằn đen trắng, đế dép màu đen.

- 01 đôi dép bằng nhựa quai dép kẻ vằn trắng xanh, đế dép màu trắng.

Ngày 21/4/2020, chị Đào Thị Thu H giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 đoạn video từ camera giám sát an ninh gia đình chị H trong đó có đoạn hình ảnh T đem số thẻ điện thoại đến nhờ chị H bán hộ.

Ngày 27/4/2020, Cơ quan điều tra xác định hiện trường và thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả T thực hiện lại hành vi trộm cắp như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 256/KL-HĐĐG ngày 24/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 13 thẻ nạp điện thoại gồm của nhà mạng Viettel và Vinaphone có cùng mệnh giá 100.000 đồng chưa vào mã số seri, chưa qua sử dụng, có giá trị $100.000 \text{ VNĐ}/1 \text{ thẻ} \times 13 = 1.300.000 \text{ đồng}$.

- 30 thẻ nạp điện thoại gồm của nhà mạng Viettel và Vinaphone có cùng mệnh giá 50.000 VNĐ, chưa vào mã số seri, chưa qua sử dụng, có giá trị $50.000 \text{ VNĐ}/1 \text{ thẻ} \times 30 = 1.500.000 \text{ đồng}$.

- 61 thẻ nạp điện thoại gồm của nhà mạng Viettel và Vinaphone có cùng mệnh giá 20.000 VNĐ, chưa vào mã số seri, chưa qua sử dụng, có giá trị $20.000 \text{ VNĐ}/1 \text{ thẻ} \times 61 = 1.220.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.020.000 đồng.

Quá trình điều tra, bà Lê Thị M đã giao nộp số tiền 1.220.000 đồng cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho người bị hại. Ngày 08/6/2020, Cơ quan điều tra đã trả cho bà H số tiền 4.020.000 đồng. Đến nay bà H không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với TRẦN TRỌNG T.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1-59336 qua điều tra đã xác định được là xe do T mượn của bà Lê Thị M đi uống thuốc methadone. Ngày 10/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã trả cho bà Mạnh chiếc xe nêu trên. Những vật chứng khác đã được nhập kho vật chứng Công an thành phố B để xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, TRẦN TRỌNG T đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 10/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo TRẦN TRỌNG T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

- 1, Tuyên bố bị cáo TRẦN TRỌNG T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- 2, Về hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo TRẦN TRỌNG T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ngày 08/6/2020, Cơ quan điều tra đã trả cho bà H số tiền 4.020.000 đồng. Đến nay bà H không có yêu cầu gì về dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

5. Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- 01 mũ bảo hiểm kiểu dáng thời trang màu đen;
- 01 áo phông cộc tay màu đen, có cổ, ngực viền ngang màu đen;
- 01 quần đùi ngắn màu ghi trắng, hai bên ống đùi có viền ngang màu đen gần gấu quần.
- 01 chiếc khẩu trang vải có kẻ ca rô màu trắng, xanh, vàng, đen;
- 01 đôi dép bằng nhựa, quai dép kẻ vằn đen trắng, đế dép màu đen.
- 01 đôi dép bằng nhựa quai dép kẻ vằn trắng xanh, đế dép màu trắng.
- 01 đôi dép bằng nhựa màu đen trắng, trên quai dép có chữ Gucci màu trắng và nhiều hình ngôi sao màu trắng.
- 01 ví da màu đen đã qua sử dụng;

Đề nghị trả lại bị cáo:

- 01 chứng minh thư nhân dân mang tên TRẦN TRỌNG T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 32 màu đen đã qua sử dụng có số imeil 352909100135660 lắp sim thuê bao 0901566476 nhưng giữ lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 32 màu đen đã qua sử dụng có số imeil 352909100135660 lắp sim thuê bao 0901566476 để đảm bảo thi hành án.

6, Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng điều tra viên, kiểm sát viên, của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người bị hại, người liên quan tại phiên tòa vắng mặt không có lý do nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai vật chứng thu giữ và kết quả định giá thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, tại cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, trú tại số nhà 618, đường L, phường H thành phố B, TRẦN TRỌNG T đã có hành vi trộm cắp của bà H tổng số 104 thẻ nạp điện thoại di động các loại có tổng giá trị 4.020.000 đồng. Hành vi của bị cáo TRẦN TRỌNG T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tài sản trộm cắp có giá trị là 4.020.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo TRẦN TRỌNG T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự xã hội, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo T là người có nhân thân xấu, 3 lần bị Tòa án kết án về hành vi trộm cắp tài sản, một lần bị kết án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, một lần bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục. Đặc biệt bị cáo có 2 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, phải chịu mức hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nên cần phải xử tù giam đối với bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Tài sản trộm cắp đã được bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ngày 08/6/2020, Cơ quan điều tra đã trả cho bà H số tiền 4.020.000 đồng. Đến nay bà H không có yêu cầu gì về dân sự. Nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Lê Thị M là mẹ của bị cáo đã bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo số tiền 1.220.000 đồng nhưng bà Mạnh không yêu cầu bị cáo phải trả cho bà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo T không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9]. Về vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- 01 mũ bảo hiểm kiểu dáng thời trang màu đen;
- 01 áo phông cộc tay màu đen, có cổ, ngực viền ngang màu đen;
- 01 quần đùi ngắn màu ghi trắng, hai bên ống đùi có viền ngang màu đen gần gấu quần.
- 01 chiếc khẩu trang vải có kẻ ca rô màu trắng, xanh, vàng, đen;
- 01 đôi dép bằng nhựa, quai dép kẻ vằn đen trắng, đế dép màu đen.
- 01 đôi dép bằng nhựa quai dép kẻ vằn trắng xanh, đế dép màu trắng.
- 01 đôi dép bằng nhựa màu đen trắng, trên quai dép có chữ Gucci màu trắng và nhiều hình ngôi sao màu trắng.
- 01 ví da màu đen đã qua sử dụng;

Đề nghị trả lại bị cáo:

- 01 chứng minh thư nhân dân mang tên TRẦN TRỌNG T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 32 màu đen đã qua sử dụng có số imeil 352909100135660 lắp sim thuê bao 0901566476 nhưng giữ lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 32 màu đen đã qua sử dụng có số imeil 352909100135660 lắp sim thuê bao 0901566476 để đảm bảo thi hành án.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo TRẦN TRỌNG T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo TRẦN TRỌNG T 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 mũ bảo hiểm kiểu dáng thời trang màu đen;
- 01 áo phông cộc tay màu đen, có cổ, ngực viền ngang màu đen;
- 01 quần đùi ngắn màu ghi trắng, hai bên ống đùi có viền ngang màu đen gần gấu quần.

- 01 chiếc khẩu trang vải có kẻ ca rô màu trắng, xanh, vàng, đen;
- 01 đôi dép bằng nhựa, quai dép kẻ vằn đen trắng, đế dép màu đen.
- 01 đôi dép bằng nhựa quai dép kẻ vằn trắng xanh, đế dép màu trắng.
- 01 đôi dép bằng nhựa màu đen trắng, trên quai dép có chữ Gucci màu trắng và nhiều hình ngôi sao màu trắng.
- 01 ví da màu đen đã qua sử dụng;

Trả lại bị cáo: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên TRẦN TRỌNG T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 32 màu đen đã qua sử dụng có số imeil 352909100135660 lắp sim thuê bao 0901566476 nhưng giữ lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 32 màu đen đã qua sử dụng có số imeil 352909100135660 lắp sim thuê bao 0901566476 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo TRẦN TRỌNG T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tp B;
- Công an Tp B;
- CCTHADS Tp B;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Trường